

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST

Ngày 17-01-2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn giữa chị Nguyễn Thị D và
anh Nguyễn Trung A”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình.

Các hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Ngọc Ánh.
- Bà Phạm Thị Hải Yến.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình tham gia phiên toà:** Bà Lê Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2023/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 11 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** **Chị Nguyễn Thị D**, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. **Bị đơn:** **Anh Nguyễn Trung A**, sinh năm 1989;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã C, huyện C1, tỉnh Gia Lai;

Chỗ ở hiện nay: Số 3318, ấp S, xã S1, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

(Chị D, anh A vắng mặt, đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện đề ngày 12/11/2023, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:***

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Trung A tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/10/2010. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm ăn tại Thái Bình. Anh chị chung sống đến tháng 8/2013 thì nảy sinh mâu thuẫn và sống ly thân, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có sự chia sẻ dẫn đến tình cảm lạnh nhạt. Trong thời gian sống ly thân, anh chị đã cho nhau cơ hội để cải thiện tình cảm vợ chồng và được hai bên gia đình phân tích, hoà giải nhưng không có kết quả. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Trung A.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Trung A có 01 con chung là Nguyễn Hải B, sinh ngày 21/4/2014, hiện đang sống cùng chị và gia đình chị. Ly hôn, chị xin nuôi con, không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Công việc của chị là lao động tự do, thu nhập từ 05 đến 06 triệu đồng/1 tháng. Chị có đủ điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng con B vì từ khi sinh ra đến nay, con đã sống cùng chị, được chị chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển khoẻ mạnh. Bố mẹ chị còn khoẻ, có thời gian, có điều kiện về kinh tế, chỗ ở ổn định nên có thể hỗ trợ chị trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con B.

Về tài sản: Chị và anh Nguyễn Trung A không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản với tổ chức, cá nhân nào, vì vậy chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Chị D đề nghị Tòa án xét xử vụ án vắng mặt chị.

**** Tại văn bản trình bày ý kiến ngày 18/12/2023, bị đơn anh Nguyễn Trung A trình bày:***

Anh và chị Nguyễn Thị D tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 25/10/2010. Sau khi kết hôn, anh chị sinh sống và làm việc tại tỉnh Thái Bình. Anh chị chung sống đến tháng 8/2013 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do khác biệt về tính cách, vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau, dẫn đến không còn tình cảm. Mâu thuẫn căng thẳng, anh đã về quê tại tỉnh Gia Lai sinh sống từ tháng 8/2013 và sau đó đi làm ăn tại tỉnh Đồng Nai. Anh và Chị D ly thân từ thời điểm đó. Anh và Chị D đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Nay Chị D xin ly hôn anh, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị D có 01 con chung là Nguyễn Hải B, sinh ngày 21/4/2014, hiện đang sống cùng Chị D. Ly hôn, Chị D xin nuôi

con, không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con, anh đồng ý vì từ nhỏ con đã sống cùng Chị D, được Chị D chăm sóc tốt, phát triển khỏe mạnh.

Về quan hệ tài sản: Anh và chị Nguyễn Thị D không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân, tổ chức nào nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện anh đang làm ăn tại tỉnh Đồng Nai, kinh tế khó khăn, không về Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình để tham gia tố tụng được. Anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình cho anh được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, được vắng mặt tại phiên tòa, đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết vụ án và xét xử vụ án vắng mặt anh.

*** Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1969; địa chỉ: Thôn K, xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình (Là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thị D) trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2023 của Tòa án như sau:**

Về điều kiện kết hôn, thời điểm kết hôn, thời điểm mâu thuẫn giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A đúng như lời trình bày của Chị D, anh A. Nguyên nhân mâu thuẫn một phần do anh A và Chị D bất đồng về quan điểm sống và một phần do anh A không tu chí làm ăn, không cùng Chị D chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Khi anh chị xảy ra mâu thuẫn, gia đình bà đã động viên, khuyên bảo nhưng mâu thuẫn giữa anh chị không được giải quyết. Cuối năm 2013, anh A về quê tại tỉnh Gia Lai sinh sống, không quay lại gia đình bà. Nay Chị D xin ly hôn anh A, là mẹ bà không mong muốn các con phải ly hôn, tuy nhiên mâu thuẫn của anh chị đã rất căng thẳng, không thể đoàn tụ tiếp tục chung sống, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho Chị D được ly hôn anh A để anh chị ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A có 01 con chung như Chị D, anh A đã trình bày, hiện cháu B đang ở cùng với Chị D và gia đình bà. Trường hợp Tòa án giải quyết cho Chị D và anh A ly hôn, bà đề nghị Tòa án giao cho Chị D được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B vì cháu B do Chị D và gia đình bà nuôi dưỡng từ khi sinh ra đến nay. Cháu B hiện phát triển khỏe mạnh. Chị D lao động tự do, thu thập khoảng từ 05 đến 06 triệu đồng/tháng, Chị D có đủ điều kiện nuôi cháu B. Ngoài ra, gia đình bà có chỗ ở ổn định, có điều kiện về kinh tế, có thời gian, có thể hỗ trợ Chị D trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B.

Về tài sản: Bà không biết chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A có tài sản chung gì; anh chị không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân, tổ chức nào, anh chị không vay nợ tài sản gì của gia đình bà.

*** Tại biên bản lấy lời khai ngày 21/12/2023, cháu Nguyễn Hải B có ý**

kiến: Trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ là Chị D.

*** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:**

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự: Đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D ly hôn anh Nguyễn Trung A. Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Hải B, chấp nhận việc chị Nguyễn Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Trung A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Trung A. Anh Nguyễn Trung A đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn N, xã C, huyện C1, tỉnh Gia Lai; chỗ ở hiện nay: Số 3318, ấp S, xã S1, huyện X, tỉnh Đồng Nai. Anh Nguyễn Trung A có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình - là Tòa án nơi Chị D cư trú để giải quyết vụ án hôn nhân và gia đình giữa anh A và Chị D. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình.

[1.2] Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25/10/2010, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, không có sự cảm thông, chia sẻ dẫn đến không còn tình cảm với nhau. Anh chị đã sống ly thân

từ tháng 8/2013 đến nay. Tuy anh chị đã cố gắng khắc phục mâu thuẫn, cải thiện tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, mâu thuẫn giữa anh chị vẫn tồn tại. Chị D và anh A đều xác định hiện nay không còn tình cảm với nhau và thống nhất ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn giữa Chị D, anh A đã căng thẳng, vợ chồng sống ly thân đã lâu, cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Trung A.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A có 01 con chung Nguyễn Hải B, sinh ngày 21/4/2014. Ly hôn Chị D và anh A thỏa thuận: Giao cho Chị D trực tiếp nuôi con Nguyễn Hải B; Chị D không yêu cầu anh A cấp dưỡng nuôi con. Cháu B có nguyện vọng được ở với mẹ. Xét việc thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho con chung, phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, cần công nhận.

[2.3] Về tài sản: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về án phí: Chấp nhận việc chị Nguyễn Thị D tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

[2.5] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Nguyễn Trung A.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A có 01 con chung là Nguyễn Hải B, sinh ngày 21 tháng 4 năm 2014. Công nhận thỏa thuận giữa chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A: Chị Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi con Nguyễn Hải B. Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu anh Nguyễn Trung A cấp dưỡng nuôi con. Anh Nguyễn Trung A có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Chị Nguyễn Thị D và anh

Nguyễn Trung A có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân, tổ chức nào nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D tự nguyện nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí Chị D đã nộp tại biên lai số 0001544 ngày 29/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình sang thành tiền án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Trung A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Thái Bình;
- UBND xã M, huyện V, tỉnh Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Lưu: HCTP; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Bình

